

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày 26-6- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Hoạch;

Ông Trần Văn Ngọc.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Huyền Thương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 24 và 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn N (tên gọi khác Lê Minh N), sinh năm 1965 tại huyện L, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Nguyên Bí thư Chi bộ thị trấn M; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T1 (đều đã chết); có vợ Vũ Thị T2 và hai con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, giam giữ ngày 29 tháng 9 năm 2023 đến ngày 27 tháng 12 năm 2023 được tại ngoại; có mặt.

2. Lê Cảnh H, sinh năm 1955 tại huyện L, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Nguyên Tổ trưởng tổ dân phố T, thị trấn M; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Lê Thị T3 (đều đã chết); có vợ Lê Thị C1 và bốn con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, giam giữ ngày 29 tháng 9 năm 2023 đến ngày 27 tháng 12 năm 2023 được tại ngoại; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. Ông Vũ Trung T4, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

3. Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tất K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Lê Văn B;

Bà Nguyễn Thị B1;

Ông Phạm Huy Đ;

Ông Lê Thanh M;

Bà Lê Thị T5;

Ông Lê Quang H (tên gọi khác Lê Trung H);

Ông Lê Đức H1;

Ông Nguyễn Văn T6;

Ông Trần Đức V (tên gọi khác Trần Đức N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định lập năm 2004, diện tích 555m² (nay là thửa số 97 + 98, tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính năm 2011) có nguồn gốc là đất ao do Ủy ban nhân dân thị trấn M quản lý (đất UB), được gọi là Ao Giếng P nằm trên địa phận của tổ dân phố (viết tắt TDP) X, thị trấn M. Trước đây, Ao Giếng P được nhân dân làng X sử dụng để làm ao và giếng nước phục vụ sinh hoạt chung. Năm 2011, theo đề nghị của cấp uỷ, chính quyền Tổ dân phố T, Ủy ban nhân dân thị trấn M đã bàn giao Ao Giếng P cho Tổ dân phố T quản lý, sử dụng. Tháng 02/2013, cấp uỷ, chính quyền Tổ dân phố T khi đó Lê Văn N giữ chức vụ Bí thư Chi bộ; Lê Cảnh H giữ chức vụ Tổ trưởng TDP nhiệm kỳ 2012 – 2015 đã chủ trì việc họp cấp uỷ, chính quyền để thống nhất xây dựng nhà văn hoá TDP. Tuy nhiên, khu đất Ao Giếng P thuộc địa giới của Tổ dân phố B, thị trấn M lại nằm cách xa trung tâm Tổ dân phố T nên cấp uỷ, chính quyền Tổ dân phố T có chủ trương mua diện tích 689m² đất ruộng tại thửa đất số 31/12, tờ bản đồ số 12 của ông Lê Văn T7, sinh năm 1967 ở Tổ dân phố X, thị trấn M với giá 120.750.000đ, vị trí tại trung tâm Tổ dân phố T để xây dựng nhà văn hoá Tổ dân phố. Để có tiền mua đất ruộng của ông T7 và xây dựng nhà văn hoá, Lê Văn N đã chủ trì các cuộc họp Chi bộ, Ban công tác mặt trận, Ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá đưa ra chủ trương bán đất Ao Giếng P và chỉ đạo Lê Cảnh H chủ trì các cuộc họp Tổ dân phố để triển khai đến nhân dân việc bán đất, cụ thể như sau:

Ngày 22/02/2013, tại nhà Lê Văn N diễn ra cuộc họp của Ban công tác mặt trận Tổ dân phố T về việc xúc tiến làm nhà văn hoá Tổ dân phố T. Lê Văn N đã triển khai nội dung bán một suất đất thuộc Ao Giếng P có chiều bằm mặt đường làng X 04m, chiều sâu đến hết đất với giá 120.000.000đ và được toàn thể các thành viên dự họp tán thành. Sau đó, Lê Cảnh H tổ chức họp dân để triển khai Nghị quyết của Chi bộ, Nghị quyết của Ban công tác mặt trận, đồng thời thống nhất thêm việc mỗi nhân khẩu sẽ đóng góp số tiền khoảng 100.000đ và được nhân dân trong Tổ dân phố T nhất trí. Ngày 02/3/2013, tại nhà ông Lê Văn B – Trưởng ban công tác mặt trận Tổ dân phố T, thành phần gồm các ông bà: Lê Văn N - Bí

thư Chi bộ TDP; Lê Cảnh H – Tổ trưởng TDP; Lê Đức H1 – Phó bí thư Chi bộ TDP; Lê Văn B – Trưởng ban công tác mặt trận TDP; Phạm Huy Đ – Thư ký; Lê Thị T5 – Chi uỷ viên Chi bộ TDP; Lê Văn T6 – Tổ phó TDP; Lê Thanh M – Phó ban công tác mặt trận TDP đã tiến hành lập biên bản giao nhận tiền chuyển nhượng một suất đất Ao Giếng P cho bà Trần Thị Thu H ở Tổ dân phố T với giá 120.000.000đ và đến ngày 02/11/2014 bà H được cấp uỷ, chính quyền Tổ dân phố T đo và giao phần diện tích đất mua là 84m². Sau khi mua đất, đến ngày 20/01/2015 bà H chuyển nhượng lại phần đất này cho ông Phạm Văn T8, sinh năm 1975; trú tại Tổ dân phố X, thị trấn M với giá 160.000.000đ.

Tháng 7/2015, Lê Văn N chủ trì cuộc họp Chi bộ Tổ dân phố T, trong đó có nội dung chỉ đạo Ban chỉ huy TDP lập tờ trình Ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá TDP để báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị trấn ra Quyết định thành lập, đồng thời có đề án thanh lý nốt diện tích Ao Giếng P còn lại để lấy kinh phí xây dựng nhà văn hoá. Ngày 03/8/2015, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị trấn M ra Quyết định số: 44/QĐ về việc thành lập Ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá Tổ dân phố T với 19 thành viên, trong đó Lê Văn N là trưởng ban; Lê Cảnh H là phó ban. Ngày 05/8/2015, Chi bộ Tổ dân phố T tiếp tục họp do Lê Văn N chủ trì đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết tháng 7/2015 và đề ra Nghị quyết phương hướng tháng 8/2015, trong đó có nội dung chỉ đạo Ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá có kế hoạch thanh lý Ao Giếng và tiến hành xây dựng nhà văn hoá; chỉ đạo Ban chỉ huy TDP cùng Ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá hoàn thiện các thủ tục để thanh lý Ao Giếng lấy kinh phí xây dựng nhà văn hoá. Đến ngày 07/8/2015, Lê Văn N đã chủ trì họp Ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá TDP, trong đó có nội dung bàn việc thanh lý diện tích Ao Giếng để lấy kinh phí xây dựng nhà văn hoá TDP và nêu ra hình thức, phương thức, giá đấu đối với phần diện tích đất còn lại của Ao Giếng. Sau khi Lê Cảnh H tiến hành họp dân thông báo về việc đấu giá đất Ao Giếng P thì có ông Lê Văn N1 đăng ký tham gia đấu với giá 450.000.000đ. Đến ngày 20/8/2015, Lê Văn N tiếp tục chủ trì cuộc họp ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá Tổ dân phố T, hội nghị đã thống nhất bán cho ông N1 phần diện tích đất còn lại của Ao Giếng P với giá 450.000.000đ (ông N1 đứng tên mua nhưng thực tế ông N1 thoả thuận với ông Vũ Trung T4, sinh năm 1979; trú tại thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định góp 220.000.000đ để mua chung). Tháng 10/2015 vợ ông N1 là bà Phạm Thị Đ đã nộp đủ 450.000.000đ cho bà Nguyễn Thị B1 – Thủ quỹ Ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá Tổ dân phố T. Sau đó, ông N1 đã được Chi bộ và Tổ dân phố T giao diện tích đất còn lại của Ao Giếng P nhưng không có biên bản giao đo và số liệu diện tích cụ thể tại thời điểm giao đất. Số tiền bán đất cho ông N1 đã được Ban kiến thiết xây dựng sử dụng hết cho việc xây dựng nhà văn hoá Tổ dân phố T.

Ngày 28/3/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định tiếp nhận tố giác của ông Trịnh Văn T9, sinh năm 1948; trú tại Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định về việc Lê Văn N và Lê Cảnh H vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương. Ngày 26/7/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã chuyển vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Khám xét nơi ở của Lê Văn N và Lê Cảnh H, Cơ quan điều tra đã thu giữ các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc bán đất nêu trên.

Tại Công văn số 581/TN-MT ngày 19/9/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Lộc xác định: Loại đất Ao ghi trên thửa đất số 55, tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính năm 2004 thị trấn M đối chiếu với quy định của Luật đất đai hiện hành là đất nuôi trồng thủy sản.

Tiến hành đo đạc hiện trạng diện tích đất Ao Giếng P, kết quả: Phần đất ông Phạm Văn T8 đang sử dụng có diện tích $99,7m^2$, tăng lên so với diện tích bán $84m^2$ của Tổ dân phố T là do trong quá trình sử dụng, gia đình ông T8 đã tự lấn chiếm thêm phần diện tích đất lưu không phía trước và hiện ông T8 đã xây dựng nhà 02 tầng trên đất. Phần diện tích đất ông Vũ Trung T4 quản lý là $169,5m^2$; ông Lê Văn N1 quản lý là $172,5m^2$ nhưng hiện tại ông N1 đang là người sử dụng toàn bộ vào việc xây dựng lán làm bia mộ; tổng toàn bộ diện tích đất ông N1 đứng ra mua của Tổ dân phố T năm 2015 là $342m^2$.

Bản kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS ngày 10/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Nam Định kết luận: Đơn giá đất thủy sản ngọt (TSN) trong khu dân cư tại thửa đất số 97+98, tờ 11 bản đồ địa chính thị trấn M lập năm 2011, địa chỉ hiện tại Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện L tại thời điểm định giá năm 2013, 2014, 2015 là $75.000đ/m^2$.

Quá trình điều tra, Lê Văn N và Lê Cảnh H khai nhận việc bán đất như trên là vi phạm pháp luật. Để hợp thức hoá việc bán đất Ao Giếng P và mua đất ruộng của hộ ông Lê Văn T7 xây dựng nhà văn hoá, Lê Văn N đã lập ra giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông T7 với các gia đình ông Vũ Trung T4, ông Phạm Văn T8 và ông Lê Văn N1 theo thủ tục dồn điền đổi thửa. Cơ quan điều tra xác định hành vi bán $84m^2$ đất thủy sản ngọt năm 2013 đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 6.300.000đ, vi phạm khoản 2 Điều 37 Luật đất đai năm 2003. Tuy nhiên, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi bán $84m^2$ đất thủy sản ngọt năm 2013 không cấu thành tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” nên Cơ quan điều tra không khởi tố đối với hành vi này và có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L giải quyết theo quy định của pháp luật. Hành vi bán $342m^2$ đất thủy sản ngọt năm 2015, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 25.650.000đ, vi phạm Điều 59 Luật đất đai năm 2013 nên Lê Văn N và Lê Cảnh H đã phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ủy ban nhân dân thị trấn M là đơn vị trực tiếp quản lý diện tích đất Ao Giếng P nhưng đã thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý, không kịp thời phát hiện và ngăn chặn việc Bí thư Chi bộ và Tổ trưởng Tổ dân phố T bán đất trái thẩm quyền, gây thiệt hại cho Nhà nước trong công tác quản lý đất đai. Chịu trách nhiệm chính về sai phạm trên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn M và cán bộ công chức địa chính của thị trấn M giai đoạn 2012 – 2015. Tuy nhiên, giá trị thiệt hại về đất đối với việc bán đất trái thẩm quyền được xác định dưới 100.000.000đ nên Cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với ông Lê Đình M – Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn M, quá điều tra không có căn cứ xác định ông M biết và đồng ý việc bán đất của cấp uỷ, chính quyền Tổ dân phố T. Do đó, Cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý ông M với vai trò đồng phạm trong vụ án.

Về những Đảng viên trong Chi bộ và những thành viên khác trong Ban kiến thiết xây dựng nhà văn hoá Tổ dân phố T, mặc dù được tham dự các cuộc họp của Chi bộ và của Ban kiến thiết đã đồng ý với chủ trương bán đất của Lê Văn N và Lê Cảnh H đưa ra nhưng họ không có quyền quyết định việc bán đất nên Cơ quan điều tra cũng không đặt ra vấn đề xử lý đối với những người này.

Các ông Lê Văn N1; Vũ Trung T4 là những người mua và hiện đang quản lý, sử dụng phần diện tích 342m² đất Ao Giếng P đều có chung quan điểm không yêu cầu bồi thường gì ngoài việc đề nghị tiếp tục được sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân thị trấn M và Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nam Định có quan điểm đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-ML ngày 20 tháng 5 năm 2024 thay thế Cáo trạng số 10/CT-VKS-ML ngày 26 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định truy tố các bị cáo Lê Văn N, Lê Cảnh H về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015; xác định bị cáo N là người đứng đầu cấp uỷ nên giữ vai trò chính, bị cáo H giữ vai trò đồng phạm trong vụ án; các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đều có nhiều thành tích trong quá trình công tác được Nhà nước ghi nhận và tặng nhiều Giấy khen; chính quyền địa phương có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo N trong quá trình công tác được tặng Kỷ niệm chương, Bằng khen nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà: Các bị cáo Lê Văn N, Lê Cảnh H đều thành khẩn khai nhận rõ hành vi của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố; cùng xác nhận bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Nam Định xác định giá đất Ao Giếng P tại thời điểm năm 2015 có giá 75.000đ/m² là hợp lý; Viện kiểm sát truy tố là không oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc làm của bản thân không có mục đích vụ lợi cá nhân mà chỉ vì phục vụ lợi ích chung của nhân dân. Các ông Lê Văn N1, Vũ Trung T4 là những người mua và hiện đang quản lý, sử dụng phần diện tích 342m² đất Ao Giếng P đều có chung quan điểm mong muốn cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Lê Cảnh H phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”; căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 357, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với cả hai bị cáo); điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (đối với bị cáo N), đề nghị xử phạt bị cáo N từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; xử phạt bị cáo H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử từ 24 đến 30 tháng; cấm bị cáo N đảm nhiệm chức vụ Tổ trưởng tổ dân phố từ 01 đến 03 năm và miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho được tự sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Lộc cũng như Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc cũng như Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận giữa các bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cuối năm 2015, để có kinh phí xây dựng nhà văn hoá Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định, Lê Văn N khi đó với vai trò là Bí thư Chi bộ đã cùng với Lê Cảnh H là Tổ trưởng Tổ dân phố T thực hiện việc chuyển nhượng trái thẩm quyền cho ông Lê Văn N1, sinh năm 1966; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định 342m² đất tại Ao Giếng P thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định lập năm 2004 (nay là thửa số 97 + 98, tờ bản đồ số 11) có nguồn gốc là đất ao do Ủy ban nhân dân thị trấn M quản lý (đất UB) lấy số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Kết quả đo đạc hiện trạng và định giá tài sản xác định diện tích 342m² Ao Giếng P tại thời điểm năm 2015 là 75.000đ/m², tổng giá trị quyền sử dụng đất là 25.650.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu năm mươi nghìn đồng). Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định truy tố các bị cáo về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về dấu hiệu của tội phạm và đồng phạm khác: Trong vụ án này có dấu hiệu của hành vi thiếu trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý đất đai, để xảy ra vi phạm pháp luật về đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn M và cán bộ công chức địa chính thị trấn M giai đoạn 2012 – 2015. Tuy nhiên, do hậu quả thiệt hại gây ra dưới 100.000.000đ, chưa đủ yếu tố cấu thành về định lượng nên Cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý đối với các cá nhân này là đúng pháp luật.

Đối với ông Lê Đình M – Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn M, qua điều tra không có căn cứ xác định ông M biết và đồng ý việc bán đất của cấp uỷ, chính quyền Tổ dân phố T. Do đó, Cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý ông M với vai trò đồng phạm trong vụ án là đúng đắn.

Về hành vi bán 84m² đất UB trong cùng thửa đất Ao Giếng P của các bị cáo năm 2013. Do chính sách hình sự của Nhà nước thay đổi, Cơ quan điều tra căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015 theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, xác định hành vi này không cấu thành tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ.

[4] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn N, Lê Cảnh H là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là những người có chức vụ và quyền hạn nhất định ở địa phương, trong khi thực thi công vụ đều nhận thức được quyền hạn của mình nhưng vì động cơ vụ lợi cho địa phương nơi mình công tác và sinh sống đã làm trái công vụ, vượt quá quyền hạn của bản thân, thực hiện hành vi chuyển nhượng đất trái thẩm quyền, vi phạm quy định của Luật đất đai, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước đó là khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ. Trong những năm qua, tình trạng vi phạm pháp luật liên quan đến chức vụ, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thi hành công vụ ở một số địa phương đang có nhiều biểu hiện của sự suy thoái. Đặc biệt là những hành vi sai phạm trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai dẫn đến tình trạng nguồn tài nguyên bị thất thoát và khó kiểm soát, tranh chấp, khiếu kiện mất an ninh trật tự kéo dài. Trong khi Đảng, Nhà nước và Nhân dân đang nỗ lực bằng mọi biện pháp nhằm phát giác, đấu tranh đẩy lùi sự suy thoái, tiêu cực tham nhũng thì lẽ ra ở cương vị các bị cáo hơn ai hết phải hiểu rõ và có trách nhiệm quản lý, lãnh đạo địa phương thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Nhưng trái lại, chính bản thân các bị cáo lại là những người buông lỏng quản lý và trực tiếp sai phạm. Hành vi tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bị cáo trong khi thi hành công vụ là lạm quyền, trái với đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

[5] Về vai trò đồng phạm trong vụ án: Bị cáo Lê Văn N khi thực hiện hành vi phạm tội với cương vị Bí thư Chi bộ là người đứng đầu cấp uỷ cơ sở, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc chuyển nhượng đất trái thẩm quyền nên giữ vai trò chính. Bị cáo Lê Cảnh H khi thực hiện hành vi phạm tội với cương vị Tổ trưởng TDP là người triển khai, thực hiện nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cơ sở mà trực tiếp là bị cáo N nên bị cáo H giữ vai trò sau trong vụ án. Như vậy, từng bị cáo sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của mình.

[6] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ bị xâm phạm, động cơ mục đích phạm tội cũng như hậu quả nguy hại cho xã hội của các bị cáo thì việc cần thiết phải áp dụng biện pháp xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục là thoả đáng; đồng thời cũng mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và công tác phòng, chống tham nhũng nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo ngoài tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 357 thì không có tình tiết nào bị coi là tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; các bị cáo phạm tội lần đầu bị đưa ra xét xử và đều không có động cơ vụ lợi cá nhân; quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đều tích cực hợp tác, khai báo thành khẩn, nhận thức lỗi lầm, ăn năn hối cải; lịch sử nhân thân các bị cáo đều tốt, trước đây đã từng có thời gian phục vụ quân đội được xuất ngũ trở về địa phương, trong quá trình công tác cả hai bị cáo đều có nhiều thành tích được Nhà nước ghi nhận tặng thưởng nhiều Giấy khen. Mặt khác, các bị cáo hiện tuổi đã cao, sức khoẻ có phần bị giảm sút và được Đảng uỷ cũng như chính quyền địa phương có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm. Đối

chiếu với quy định của pháp luật, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng bị cáo N quá trình tham gia công tác được tặng Kỷ niệm chương, Bằng khen nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét biện pháp giáo dục của Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly xã hội mà cho các bị cáo tự cải tạo, sửa chữa lỗi lầm tại cộng đồng dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng có thể trở thành công dân tốt. Vì vậy, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy việc các bị cáo phạm tội đều không có động cơ vụ lợi cá nhân nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần phải cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các ông Lê Văn N1, Vũ Trung T4 là những người mua và hiện đang chiếm hữu, sử dụng phần diện tích 342m² đất Ao Giếng P đều có chung quan điểm không yêu cầu được bồi thường gì và mong muốn cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy việc các bị cáo N, H chuyển nhượng diện tích 342m² đất Ao Giếng P (đất UB) là trái pháp luật. Do đó, việc chuyển nhượng đất này là giao dịch dân sự vô hiệu nên sẽ không phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Căn cứ quy định pháp luật về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên sẽ khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, ông N1 và ông T4 đều không yêu cầu được bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nhưng cũng cần phải kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý và thu hồi phần diện tích đất này trả lại Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N (tên gọi khác Lê Minh N) và Lê Cảnh H phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”;

Căn cứ áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 357; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với cả hai bị cáo); điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (đối với bị cáo N);

- Xử phạt bị cáo N 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án 26 tháng 6 năm 2024;

- Xử phạt bị cáo H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 (Hai bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án 26 tháng 6 năm 2024;

Giao các bị cáo N, H cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách; trường hợp có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải

chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Cấm các bị cáo N, H đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 01 (Một) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nam Định có biện pháp xử lý và thu hồi trả lại Nhà nước 342m² đất hiện đang bị gia đình ông Lê Văn N1, ông Vũ Trung T4 chiếm hữu, sử dụng tại thửa số 55 tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định lập năm 2004 được gọi là Ao Giếng P (nay là thửa số 97 + 98 tờ bản đồ số 11 thị trấn M).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo N, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- Công an huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang